

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 19-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hưng

Bà Trần Thị Kim Mỹ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN THANH Q, sinh năm: 1991 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 364/TA, ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn K, sinh năm 1971, mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Bản thân bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2019.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Văn Giang A, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tuyến dân cư 2B, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

**Người chứng kiến:*

Ông Phan Tấn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã MT, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Ông Lê Thanh Điền, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp MĐ, xã MT, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 55 phút ngày 17/11/2019, lực lượng Công an xã MT, Thành phố BT đang tuần tra trên đường đến đoạn thuộc tổ NDTQ số 01, ấp MĐ, xã MT, Thành phố BT thì phát hiện Trương Văn Giang A đang điều khiển xe mô tô biển số 63B3– 818.15 chở sau bị cáo Nguyễn Thanh Q có biểu hiện nghi vấn nên truy đuổi theo và yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Khi đến khu vực phía trước Văn phòng Đội dân phòng ấp MĐ, xã MT, Thành phố BT thì bị cáo Q có hành vi vứt bỏ 01 bao thuốc lá hiệu SCOTT xuống đường. Kiểm tra bên trong bao thuốc lá hiệu SCOTT do bị cáo vứt bỏ, lực lượng Công an phát hiện có 01 túi nilon màu trắng, hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành thu giữ tang vật, mời cả hai về trụ sở Công an xã MT làm việc và bàn giao cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố BT.

Tang vật thu giữ gồm: 01 túi nylon màu trắng, hàn kín 3 phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký và ghi tên: Phan Tấn Đ, Lê Thanh Đ, Nguyễn Hải Đăng K, Hoàng Quốc H và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã MT, Thành phố BT); 01 bao thuốc lá hiệu SCOTT; 01 mảnh giấy màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số seri 1: 357723104390824, số seri 2: 357723106390822, bên trong có lắp 02 sim, sim 01 số 0981113851, sim 2 số 0787803872; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, số IMEI 1: 865222042076137, số IMEI 2: 865222042076129; Tiền Việt Nam: 230.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 63B3–818.15, số máy PMG340072752, số khung GR33HL004794; 01 xe mô tô biển số 71B3–177.22, số máy 152FMH119755, số khung H1UMA1119755; 01 bình nhựa có nắp màu đen trên nắp có gắn ống thủy tinh hình mỏ vịt, 01 ống hút và 01 bật lửa màu xanh.

Qua làm việc, bị cáo Nguyễn Thanh Q và Trương Văn Giang A khai nhận: Vào khoảng 19 giờ ngày 17/11/2019, Giang A điện thoại hỏi Q có chơi ma túy không thì Q trả lời giờ hết rồi, tối mới có. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Giang A điều khiển xe mô tô biển số 63B3–818.15 đến khu vực vòng xoay Phường 6, Thành phố BT thì gặp Q. Tại đây, Q hỏi mượn xe mô tô biển số 63B3 - 818.15 của Giang A rồi đi gặp đối tượng tên C (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) mua 01 túi ma túy đá giá 1.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, C bỏ gói ma túy vào bao thuốc lá hiệu SCOTT rồi ném xuống vỉa hè và chỉ cho Q thấy để lấy, nhưng Q không dám lấy ngay nên bỏ đi khỏi khoảng 100m rồi điện thoại kêu Giang A đến rước. Khi Giang A điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - 177.22 đến thì Quan kêu Giang A để xe mô tô biển số 71B3 - 177.22 lại, lấy xe mô tô biển số 63B3 -818.15 chở Q quay lại chỗ cũ rồi chỉ bao thuốc SCOTT trên vỉa hè mà C đựng gói ma túy bán cho Q cho Giang A thấy và kêu Giang A nhặt dùm. Giang A không biết bên trong bao thuốc lá hiệu SCOTT có chứa ma túy nên xuống xe nhặt bao thuốc lên và định để ở ba ga phía trước xe 63B3 - 818.15 thì Q kêu Giang A đưa bao thuốc lá có đựng gói ma túy cho Q giữ rồi Giang A chở Q chạy đi. Khi Giang A điều khiển xe chở Q thì gặp lực lượng Công an xã MT đang tuần tra yêu cầu dừng xe, sợ bị phát hiện nên Q cầm bao thuốc lá hiệu SCOTT bên trong có đựng gói ma túy để ở giữa khuỷu chân phải kẹp lại, khi đến khu vực thuộc tổ NDTQ số 01, ấp MĐ, xã MT, Thành phố BT thì Q

dùng tay phải đẩy bao thuốc lá có đựng gói ma túy cho rơi xuống đường để phi tang nhưng bị lực lượng Công an phát hiện và thu giữ.

Theo bản kết luận giám định số 142/2019/GĐMT ngày 21/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 4,9766 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSTPBT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự. Bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo, năn năn hối cải nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy chất ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 4,9181gam tiêu hủy; Tịch thu tiêu hủy các vật dụng bị cáo dùng để sử dụng ma túy; Trả lại cho ông Trương Văn Giang A 230.000đồng do không liên quan đến vụ án; Tịch thu của bị cáo 01 điện thoại Nokia màu xanh nộp sung ngân sách nhà nước.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố BT đã giao trả cho Trương Văn Giang A 01 xe mô tô biển số 63B3-818.15 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen; Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 01 xe mô tô biển số 71B3-177.22;

Bị cáo Nguyễn Thanh Q khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người chứng kiến theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo Nguyễn Thanh Q có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định 142/2019/GĐMT ngày 21/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 22 giờ 55 phút ngày 17/11/2019, tại khu vực ấp MĐ, xã MT, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thanh Q đã có hành vi tàng trữ trái phép 4,9766 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện.

[4] Bị cáo Q là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi cất giữ ma túy một cách trái pháp luật với lỗi cố ý, bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát tệ nạn ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, đồng thời có nguy cơ phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, Bản cáo trạng số 14 ngày 20/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với đất nước, có bác ruột ông Nguyễn Văn D là liệt sĩ nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết để nhằm cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp

dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố BT đã giao trả cho Trương Văn Giang A 01 xe mô tô biển số 63B3-818.15 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen; Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 01 xe mô tô biển số 71B3-177.22;

Mẫu ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 4,9181 gam Methamphetamin được niêm phong trong phong bì có kí hiệu 142/2019 là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 (một) bao thuốc lá hiệu SCOTT, 01(một) mảnh giấy màu trắng, 01(một) bình nhựa có nắp màu đen trên nắp có gắn ông thủy tinh hình mỏ vịt, 01(một) ống hút và 01(một) bật lửa màu xanh là vật dụng bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Giang A số tiền 230.000(Hai trăm ba mươi ngàn)đồng do không liên quan đến vụ án. Đối với 01(một) điện thoại Nokia màu xanh, số seri 1: 357723104390824, số seri 2: 357723106390822; Máy điện thoại có hai sim, sim 01 số 0981113851; sim 02 số 078780387 bị cáo sử dụng để làm phương tiện liên lạc mua ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[10] Đối với Trương Văn Giang A, do không có căn cứ xác định đồng phạm với bị cáo Q nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên C do không rõ họ và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không mời làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thanh Q: 01(một) năm 06(sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: Mẫu ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 4,9181 gam Methamphetamin được niêm phong trong phong bì có kí hiệu 142/2019; 01 (một) bao thuốc lá hiệu SCOTT; 01(một) mảnh giấy màu trắng; 01(một) bình nhựa có nắp màu đen trên nắp có gắn ông thủy tinh hình mỏ vịt; 01(một) ống hút và 01(một) bật lửa màu xanh.

2.2. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn Giang A số tiền 230.000(Hai trăm ba mươi ngàn)đồng.

2.3. Tịch thu của bị cáo nộp ngân sách nhà nước : 01(một) điện thoại Nokia màu xanh, số seri 1: 357723104390824, số seri 2: 357723106390822; Máy điện thoại có hai sim, sim 01 số 0981113851; sim 02 số 078780387.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thanh Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND Thành phố BT (1b);
- Cơ quan điều tra CATP BT (1b);
- Cơ quan THAHS CATP BT (1b);
- Chi cục THA dân sự Thành phố BT (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã TX, h. BT (1b);
- NTGTT (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng

Trần Thị Kim Mỹ

Nguyễn Thị Đoan Trang